

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2017

V/v “tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Bà **Đoàn Thị Thoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 616/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh T** sinh năm: 1976

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Chị **Ngô Thị Đ** sinh năm: 1977

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Anh T có mặt, chị Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh và chị Ngô Thị Đ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nên anh và chị Đ sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay, không có hàn gắn tình cảm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Đ nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998 và Nguyễn Phúc Duy H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2004 hiện con lớn là Nguyễn Thị Thu H đang sống với chị Đ còn con nhỏ là Nguyễn Phúc Duy H đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Thu H đã trưởng thành nên không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Ngô Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng chị Đ không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, chị Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đ là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Thanh T và chị Ngô Thị Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1997, đến ngày 13 tháng 8 năm 2001 được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Đ được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống theo anh T trình bày thì giữa anh và chị Đ có xảy ra mâu thuẫn như anh trình bày nên anh và chị Đ không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay, không có hàn gắn tình cảm. Còn chị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Đ vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T chứng tỏ chị Đ không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng, mặt khác anh T và chị Đ có thời gian dài không chung sống với nhau cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh T ly hôn với chị Đ là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998 và Nguyễn Phúc Duy H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2004 hiện con lớn là Nguyễn Thị Thu H đã trưởng thành còn con nhỏ là Nguyễn Phúc Duy H đang sống với anh T. Nay anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc Duy H, còn con lớn là Thu H đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Đ vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy cháu H đang sống với anh T đã lâu dài và ổn định, cần tránh sự xáo trộn cuộc sống cháu H do đó giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H mong muốn được sống với anh T.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Ngô Thị Đ.
 2. Về nuôi con chung:
 - Giao con chung tên Nguyễn Phúc Duy H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2004 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.
 - Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Đ do anh T không yêu cầu. Chị Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu chị Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với chị Đ.
 3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
 4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 07366 ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
 5. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị Đ thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án.
- Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

